

Số: 447/2023/QĐST-VHNGĐ

Hà Đông, ngày 29 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 54, 55, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 399/2023/TLST- VHNGĐ ngày 13.6.2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

**Bên chồng:** Anh Trần Xuân T, sinh năm 1985

*ĐKKHKT và trú tại: Số 46 dãy B2, tập thể Bà Triệu, phường NT, quận H, thành phố H.*

**Bên vợ:** Chị Phạm Thị B, sinh năm 1989

*ĐKKHKT: Số 46 dãy B2, tập thể Bà Triệu, phường NT, quận H, thành phố H; trú tại: Xóm Trại, xã AL, huyện T, thành phố H.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tình cảm: Anh Trần Xuân T và chị Phạm Thị B kết hôn có tình cảm và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội năm 2018 do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến

hành hòa giải nhưng không thành. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình thì việc anh T và chị B thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Anh chị xác nhận có 02 con chung là Trần Trúc H, sinh ngày 15/9/2018; giới tính: nữ; và Trần Bảo A, sinh ngày 22/11/2020; giới tính: nữ. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Trúc H cho chị Phạm Thị B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Trần Bảo A cho anh Trần Xuân T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung, kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thỏa thuận, thay đổi khác.

Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh Trần Xuân T và chị Phạm Thị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không giải thành ngày 21/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Xuân Tú và chị Phạm Thị B (*Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2018 do Ủy ban nhân dân phường NT, quận H, thành phố H cấp ngày 20/6/2018 không còn giá trị*).

- Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T và chị B về việc giao con chung là cháu Trần Trúc H, sinh ngày 15/9/2018 cho chị Phạm Thị B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Trần Bảo A, sinh ngày 22/11/2020 cho anh Trần Xuân T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung, kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thỏa thuận, thay đổi khác.

Hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Xuân T và chị Phạm Thị B phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mỗi người là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình đã nộp theo biên lai thu số 0011482 ngày 13/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận :***

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Đào Duy Vương**